



Từ ngày 1.10.1998, Luật NHNN có hiệu lực thi hành, theo đó, NHNN thực hiện điều hành lãi suất theo lãi suất cơ bản, mà tại điều 9 khoản 12 của Luật này quy định: "Lãi suất cơ bản là lãi suất do NHNN công bố làm cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh". Song để thực hiện đúng nội dung này của Luật thì phải có sự thống nhất về quan điểm nhận thức như thế nào là lãi suất cơ bản, kết cấu của lãi suất cơ bản ra sao? phải có các văn bản hướng dẫn cụ thể và phải có quá trình chuyển tiếp.

Nhìn nhận lại thời gian gần đây, cụ thể là năm 1998, chúng ta dễ dàng nhận thấy lãi suất nói chung, nhất là lãi suất cho vay không trở thành vấn đề thời sự đối với dư luận, với khách hàng như các năm trước đây. Mặc dù đây không phải là vấn đề thời sự đối với nền kinh tế, đối với doanh nghiệp...nhưng ngược lại nó đã trở thành mối quan tâm thực sự, trở thành một công cụ cạnh tranh của các NHTM trong hoạt động kinh doanh, thu hút khách hàng, thu hút tiền gửi, mở rộng cho vay có hiệu quả và an toàn, không còn tình trạng tất cả các TCTD ở tất cả các vùng đều cho vay bám sát lãi suất quy định của NHNN và tìm mọi cách cho vay vượt trần lãi suất quy như trước đây. Trong điều kiện đó, diễn biến lãi suất của năm 1998 có các đặc điểm và biểu hiện cụ thể như sau:

- Do áp lực tăng lãi suất xuất hiện từ cuối năm 1997, nên từ ngày 21.10.1998, Thống đốc NHNN quyết định tăng lãi suất cho vay tối đa đối với ngắn hạn lên mức 1,2%/tháng, cho vay trung và dài hạn là 1,25%/tháng. Tiếp theo đó, ngày 11.4.1998, Thống đốc NHNN quyết định điều chỉnh tỷ lệ và cơ cấu tiền

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CÓ TÍNH CHẤT CẠNH TRANH HIỆN NAY MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐIỀU HÀNH LÃI SUẤT CƠ BẢN

PTS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

gửi dự trữ bắt buộc, với tỷ lệ dự trữ là 10% trong tổng số tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng. Quyết định này đối với hoạt động kinh doanh của các NHTM có ý nghĩa như tăng lãi suất cho vay.

- Đã khắc phục được một số mâu thuẫn lớn tồn tại từ lâu về quan hệ lãi suất cho vay giữa hộ nông dân với các thành phần kinh tế khác, giữa lãi suất cho vay ngắn hạn với lãi cho vay trung và dài hạn. Song hiện tại vẫn có mâu thuẫn là lãi suất cho vay của QTDND và của NHTMCP nông thôn là 1,5%/tháng, cao hơn so với lãi suất cho vay thành thị, gây bất lợi cho hộ nông dân. Điều này cũng cần được xem xét trong điều kiện Đảng và nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh đầu tư

cho sản xuất nông nghiệp. Tuy quy định như vậy, nhưng đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, các NHTM cổ phần nông thôn và QTDND vẫn tìm mọi cách để nâng lãi suất cho vay lên tới 1,6% - 1,8%/tháng, thậm chí tới 2,1%/tháng bằng nhiều cách trực tiếp và gián tiếp khác nhau, vượt trần quy định của NHNN.

- Các NHTM cạnh tranh, nâng lãi suất tiền gửi để đẩy mạnh huy động vốn. Đặc biệt đối với các NHTM cổ phần, do uy tín, do huy động vốn khó khăn, do căng thẳng về khả năng thanh toán đã phải nâng lãi suất tiền gửi 12 tháng lên 1,05% - 1,1%/tháng. Với việc tăng lãi suất trái phiếu ngân

hàng trả lãi trước lên tới mức 1,163%/tháng đến 1,356%/tháng, nên Ngân hàng ĐT - PT VN chỉ trong 18 ngày cuối tháng 4 và đầu tháng 5.1998 đã huy động được hơn 1.000 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 1 - 5 năm. Giác độ cạnh tranh này gây khó khăn và lo lắng thực sự cho các NHTM cổ phần, nhất là các ngân hàng nhỏ, mạng lưới hẹp, khách hàng chủ yếu là tư nhân, kinh tế ngoài quốc doanh.

- Ở một phía khác, cạnh tranh thu hút khách hàng, nhất là các khách hàng lớn, kinh doanh có hiệu quả, có uy tín, các NHTM đã thi nhau hạ lãi suất cho vay xuống mức có thể được. Ngân hàng công thương VN đã giảm lãi suất cho vay đối với các Tổng công ty 90 - 91 xuống còn 1,02%/tháng đối với cho vay ngắn hạn, 1,062%/tháng với lãi suất cho vay trung và dài hạn. Đồng thời chính phủ quyết định hỗ trợ cho vay lãi suất thấp đối với một số lĩnh vực xuất khẩu cần được ưu đãi. Khi các doanh nghiệp vay vốn các NHTM quốc doanh và một số NHTM cổ phần lớn. Tình hình đó cũng gây sức ép, tạo bất lợi cho các NHTM cổ phần, nhất là các NHTM cổ phần nhỏ bé.

Cuộc cạnh tranh lãi suất như trên đặt ra một câu hỏi là có còn đảm bảo khoảng cách chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động là 0,35%/tháng theo nghị quyết của Quốc hội hay không? Đương nhiên là tình trạng lỗ lãi, hiệu quả kinh doanh, khả năng tài chính thực sự của mỗi TCTD sẽ được rõ khi kiểm toán năm 1998 được kết thúc trong quý I/1999.

- Xu hướng bao cấp tín dụng qua việc cấp bù lãi suất có xu hướng mở rộng. Ngoài vốn tín dụng của Ngân hàng ĐT - PT VN cho vay theo chỉ định của chính phủ với lãi suất 0,81%/tháng, thì có chính sách ưu đãi về lãi suất cho một số lĩnh vực xuất khẩu, cho vay đánh bắt cá xa bờ, cho vay tạm trữ lúa gạo, cho vay khắc phục cơn bão số 5, lũ lụt miền Trung, tôn nền nhà và làm nhà trên cọc ở đồng bằng sông Cửu Long, cho vay giải quyết việc làm, cho sinh viên vay vốn học tập...Đó là chưa kể một loạt các mức lãi suất khác do Kho bạc nhà nước trực tiếp cho vay, của các đoàn thể phụ nữ, thanh niên...Như vậy có quá nhiều mức lãi suất trong nền kinh tế.

- Lãi suất trái phiếu kho bạc nhà nước do Kho bạc nhà nước trực tiếp bán có xu hướng thoát ly sự thống nhất với điều hành lãi suất chung trong nền kinh tế của NHNN. Trong các tháng 9, 10 và 11.1998, lãi suất này lên tới 14%/năm, các tháng khác cũng tới 13%/năm, tương đương với lãi suất cho vay của các NHTM. Trong khi đó, năm 1998 thị trường đầu thầu

trái phiếu kho bạc nhà nước hoạt động có hiệu quả cao, các phiên đấu thầu được tổ chức đều đặn với tổng số 42 phiên; khối lượng trái phiếu trúng thầu ở mức cao, đạt 3.660 tỷ đồng so với tổng khối lượng đưa ra dự thầu là 4.530 tỷ đồng; lãi suất trúng thầu tương đối ổn định, từ 11,0% đến 12%/năm, thấp hơn từ 2 - 3%/năm so với mức lãi suất Kho bạc nhà nước trực tiếp phát hành.

- Ngoài việc quy định trần lãi suất cho vay tối đa bằng đồng VN, NHNN còn quy định giới hạn tối đa của lãi suất tiền gửi và quy định trần lãi suất cho vay bằng ngoại tệ.

- Nhìn một cách tổng thể diễn biến lãi suất như trên cho thấy, mức lãi suất quy định của NHNN có tính chất điều chỉnh, hướng dẫn lãi suất cho vay và lãi suất tiền gửi của các tổ chức tín dụng. Song đó mới chỉ là điều kiện cần cho việc NHNN chuyển sang điều hành theo lãi suất cơ bản, còn điều kiện đủ thì phải giải quyết các mâu thuẫn nói trên, cụ thể như sau:

- Mâu thuẫn giữa lãi suất cho vay của NHTM cổ phần nông thôn và QTDND với lãi suất cho vay của các NHTM, đặc biệt là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cần phải có biện pháp khắc phục sớm bất hợp lý này.

- Mâu thuẫn trong bản thân mỗi NHTM, tập trung là các NHTM quốc doanh, vừa thực hiện cho vay bình thường với lãi suất kinh doanh, vừa thực hiện cho vay theo chính sách với lãi suất ưu đãi. Cần phải tách biệt rõ ràng vấn đề này. Nền tập trung việc cho vay với lãi suất ưu đãi vào ngân hàng chính sách. Ngay cả ngừng hoạt động tín dụng của kho bạc nhà nước, mà tập trung hoạt động này cho ngân hàng chính sách. Xóa đi tính quá phức tạp nhiều loại lãi suất đan xen, chồng chéo trong nền kinh tế.

- Mâu thuẫn giữa lãi suất phát hành trái phiếu kho bạc nhà nước, với điều hành lãi suất của NHNN và lãi suất kinh doanh của các TCTD.

- Đảm bảo tính hệ thống ba cấp QTDND, nhất là trong việc điều hòa vốn ở phạm vi toàn quốc, tạo điều kiện cho các tổ chức bảo hiểm, quỹ đầu tư, công ty tài chính, hệ thống QTDND, NHTM cổ phần nông thôn, tham gia trực tiếp vào thị trường đầu thầu trái phiếu kho bạc, thị trường liên ngân hàng và thị trường tiền tệ nói chung, hình thành nên quan hệ cung cầu về vốn trong toàn bộ nền kinh tế thể hiện qua "giá cả" mua bán vốn, đó là lãi suất cho vay bình quân.

- Thực hiện chặt chẽ và có hiệu quả chủ trương trên đất nước VN chỉ sử dụng đồng tiền VN. Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu, thanh toán, thì các NHTM không cho vay bằng ngoại tệ, mà cho vay và ghi nợ bằng

đồng VN, sau đó doanh nghiệp thực hiện mua ngoại tệ để thanh toán và nhập khẩu. Điều này đòi hỏi phải có những sửa đổi nhất định trong các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

Về quan niệm lãi suất cơ bản và tiến trình thực hiện điều hành theo lãi suất cơ bản, khái quát có ba ý kiến sau đây:

- Lãi suất cơ bản là trần lãi suất cho vay tối đa, NHNN điều hành theo trần lãi suất này. Như vậy thì giống như việc điều hành lãi suất hiện nay, không có gì mới theo nội dung điều hành lãi suất quy định trong Luật NHNN.

- Lãi suất cơ bản là lãi suất cho vay bình quân do NHNN công bố trong từng thời kỳ nhất định. Theo đó, các TCTD chủ động quy định lãi suất kinh doanh của mình trong biên độ giao động quy định của NHNN.

Lãi suất cho vay bình quân là lãi suất trên thị trường liên ngân hàng; kết hợp với tính toán và phân tích kết cấu lãi suất của các NHTM quốc doanh, của 3 NHTM cổ phần lớn nhất ở đô thị, 3 NHTM cổ phần nông thôn đại diện cho 3 vùng (đồng bằng Bắc Bộ, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long). Kết cấu này bao gồm: lãi suất huy động vốn bình quân, dự trữ bắt buộc, tỷ lệ vốn khả dụng, chi phí nghiệp vụ, thuế, lợi nhuận định mức...hoặc lãi suất huy động vốn bình quân cộng với tỷ lệ 0,35%.

- Lãi suất cơ bản là lãi suất cho vay tái chiết khấu và lãi suất cho vay tái cấp vốn. Song hiểu theo cách đó thì giữa 3 loại lãi suất này không có gì khác nhau, trái với nội dung quy định tại điều 9 của Luật NHNN. Đồng thời các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội hiện nay chưa thể cho phép NHNN chỉ điều hành lãi suất trong nền kinh tế bằng lãi suất tái chiết khấu như các nước có nền kinh tế thị trường phát triển.

Quan điểm của chúng tôi là nghiêng về loại ý kiến thứ hai, bởi vì:

- Phù hợp với điều kiện chính trị - kinh tế - xã hội hiện nay; phù hợp với trình độ quản lý, điều hành và công nghệ của hệ thống ngân hàng và TCTD. Đồng thời thúc đẩy cạnh tranh giữa các TCTD, tạo bước chuyển tiếp tiến tới NHNN điều hành qua lãi suất tái chiết khấu.

- Thúc đẩy chu chuyển vốn trong nền kinh tế, huy động vốn ở vùng có tiềm năng về vốn, đầu tư cho các vùng đang có nhu cầu lớn về vốn, hình thành lãi suất bình quân trong nền kinh tế trên cơ sở cung cầu về vốn.

Điều kiện thực hiện nội dung này là cần khắc phục một số mâu thuẫn và tồn tại nói trên ■